

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/042005 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09/11/2012)



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần In số 4
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Tổng số lượng đăng ký giao dịch	: 1.200.000 cổ phần
Tổng giá trị đăng ký giao dịch	: 12.000.000.000 đồng

TÔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN SAO VIỆT

Trụ sở chính : 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Tp HCM

Điện thoại : (84.8) 35261357 Fax: (84.8) 35261359

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

*(Ban hành theo thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Trưởng Bộ tài Chính
hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên gọi	: CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4
Tên giao dịch quốc tế	: No 4 printing joint stock company
Tên viết tắt	: IN4 JSC
Giấy chứng nhận doanh nghiệp	: 0300462580
Vốn điều lệ	: 12.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 12.000.000.000 đồng
Địa chỉ	: 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. HCM
Điện thoại	: 08 38291312
Fax	: 08 38297577
E-mail	: ctcpin4@gmail.com
Website	: http://www.inso4.com
Mã cổ phiếu	: IN4

(Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09/11/2012)

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công Ty Cổ Phần In số 4 tiền thân là Xí Nghiệp Quốc doanh In số 4 - được thành lập từ tháng 12/1979 thuộc Sở Văn hóa Thông tin sau đó đổi tên thành Xí nghiệp In số 4 theo Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 26/11/1992 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tiến hành thành công công tác cổ phần hóa Xí nghiệp, Công ty đã chính thức lấy tên Công ty Cổ phần In số 4 vào tháng 05/2005.

Hoạt động với tinh thần trách nhiệm, công khai, dân chủ và đoàn kết, cán bộ công nhân viên trong công ty đã tạo nên một tập thể vững mạnh với đội ngũ lao động có tay nghề cao và dần từng bước xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển ổn định, vững mạnh, khẳng định vị thế của doanh nghiệp trong ngành và khu vực.

Sau hơn 30 năm hoạt động, với sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo, Công ty không chỉ nhận được sự tín nhiệm của khách hàng, lòng tin của người tiêu dùng mà còn được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của Bộ Tài Chính, Tổng Cục Thuế, Bộ Văn hóa Thông tin, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh...

Với tiềm năng phát triển và những thành tích đã đạt được, Công ty đã đang và luôn phấn đấu nhằm thực hiện mục tiêu không chỉ ổn định và chăm lo đời sống người lao động mà còn đóng góp vào sự phát triển chung của ngành, của Thành phố và đất nước.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003297, Công ty Cổ phần In số 4 có ngành nghề kinh doanh như sau: In các loại sản phẩm: sách báo, xuất bản phẩm, bao bì, mác nhãn mang tính thương mại, biểu mẫu kinh doanh, hóa đơn chứng từ. Đóng xén sách báo, bẻ hộp, mạ nhũ vàng. Cho thuê văn phòng.

Địa bàn kinh doanh: Phạm vi kinh doanh trên toàn lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, trong đó chủ yếu là tại thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: Cao nhất là Đại hội đồng cổ đông, kế tiếp Hội đồng quản trị và Ban điều hành là những người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động công ty giữa 2 kỳ đại hội. Bên cạnh đó tinh thần dân chủ trong nội bộ công ty luôn được đề cao thể hiện qua việc mọi thành viên trong công ty đều có thể bày tỏ ý kiến để đóng góp xây dựng vào quá trình vận hành của doanh nghiệp nhằm giúp công ty đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh sản xuất.

Tổ chức kinh doanh: Chú trọng vào công việc sản xuất chính là tổ chức sản xuất và cung ứng các sản phẩm về In và các dịch vụ ngành In có liên quan. Hiện chưa tham gia vào các ngành nghề khác đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như: cho thuê văn phòng, giáo dục các cấp hoặc thị trường chứng khoán.

Cơ cấu tổ chức quản lý điều hành của công ty:

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng ban, phân xưởng trực thuộc.

5. Định hướng phát triển

- ✚ Duy trì và củng cố nguồn việc hiện có trên cơ sở tận dụng uy tín vốn có đối với các khách hàng truyền thống và cố gắng khai thác thêm nguồn việc mới, khách hàng mới.
- ✚ Nâng cao chất lượng sản phẩm trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ bằng cách tiếp cận và trang bị các máy móc thiết bị hiện đại công nghệ cao.
- ✚ Xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý nhằm khuyến khích người lao động, sắp xếp lại lao động ở một số khâu nhằm tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao năng suất lao động.
- ✚ Tiết giảm chi phí và vận dụng nguồn vốn hiện có một cách linh hoạt.

6. Các rủi ro:

Nằm trong tình trạng chung của các doanh nghiệp hiện đang hoạt động, công ty cũng gặp rủi ro lớn nhất là tình hình chiếm dụng vốn và phát sinh công nợ dây dưa, thậm chí có khả năng mất vốn đã đầu tư sản xuất. Để khắc phục, doanh nghiệp chú trọng đến việc tìm hiểu, điều tra năng lực các khách hàng mới đồng thời hạn chế tối đa trong việc cho đối tác nhận hàng trước khi thanh toán.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm vừa qua, tình hình kinh tế – xã hội của cả nước nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng gặp rất nhiều khó khăn thể hiện qua tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 5% - thấp nhất trong 10 năm liên tiếp trở lại đây.

Việc tiêu thụ hàng hóa sản phẩm của các doanh nghiệp đạt kết quả thấp dẫn tới lượng hàng hóa tồn kho tăng cao cộng với chi phí giá thành sản phẩm gặp nhiều biến động xấu nhất là do lãi suất ngân hàng cao, điện, xăng dầu, nguyên nhiên vật liệu tăng nên trong năm 2012 đã có hơn 40.000 doanh nghiệp phải giải thể hoặc ngừng hoạt động.

Bên cạnh những khó khăn trên, chúng ta cũng có được một thuận lợi rất lớn là: tốc độ lạm phát đã được Chính phủ và các Bộ Ngành nỗ lực kéo xuống theo đúng kế hoạch đã dự kiến – giảm từ gần 20% trong năm 2011 xuống còn hơn 9% trong năm nay. Chính điểm sáng này của nền kinh tế đã góp phần không nhỏ trong việc giúp các doanh nghiệp đang hoạt động cũng như đời sống người lao động được dễ thở hơn.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số cổ phiếu	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Do	1954	Giám đốc	5.200	
2	Phạm Trần Thọ	1960	Phó giám đốc	2.100	
3	Phan Chí Trung	1960	Phó giám đốc	9.800	
4	Trần Thị Hạnh	1961	Kế toán trưởng	9.200	

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Năm 2012, Chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Lê Văn Tròn đến tuổi nghỉ hưu, Đại hội

đồng cổ đông thường niên năm 2012 họp ngày 12/05/2012 đã bầu bổ sung ông Phan Chí Trung vào Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bầu vào chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các chức danh khác không có sự thay đổi.

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a) Lực lượng lao động

Số lượng lao động bình quân trong năm 2012 của Công ty là 186 người. Với đội ngũ gọn nhẹ bao gồm những công nhân kỹ thuật tay nghề cao, hiện nay lực lượng lao động được đánh giá là gọn nhẹ, hiệu quả và mang lại năng suất lao động cao.

b) Chính sách cho người lao động

Chính sách đào tạo: Hàng năm công ty tổ chức thi nâng tay nghề cho lực lượng công nhân lao động trực tiếp, qua đó nâng cao trình độ kỹ thuật và kỹ năng làm việc cho đội ngũ công nhân. Hiện nay, cấp bậc bình quân của đội ngũ công nhân kỹ thuật đạt bậc 5.

Chính sách tiền lương: Hiện nay Công ty đang áp dụng chế độ tiền lương dưới hai hình thức là lương thời gian (áp dụng đối với bộ phận quản lý và phục vụ) và lương sản phẩm (đối với công nhân trực tiếp sản xuất). Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành sắp xếp lại lao động ở một số bộ phận, giảm lượng lao động dư thừa ở một số khâu để tăng hiệu quả sản xuất và nâng cao thu nhập của lao động trong Công ty.

Chính sách thưởng: Công ty có quy chế khen thưởng cụ thể từng quý và mức thưởng phụ thuộc kết quả kinh doanh hàng năm. Ngoài ra, Công ty thường xuyên kiểm tra việc cấp phát vật tư, mức tiêu hao mực, giấy, kẽm, hóa chất... và áp dụng chế độ khen thưởng, động viên thỏa đáng đối với những CB-CNV thực hiện tốt chính sách tiết kiệm. Trong năm qua, nhờ chế độ khen thưởng phù hợp đã giúp đơn vị tiết kiệm nguyên vật liệu và giá trị phế liệu thu hồi đạt trên 1.196 triệu đồng.

Các chính sách khác: Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại, hưu trí, tử tuất vv...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Đầu tư mua máy in offset 4 màu Mitsubishi khổ (72x102)cm để nâng cao năng lực và chất lượng sản phẩm in.
- Sửa chữa và cải tạo lầu 4 phân xưởng Phạm Ngọc Thạch để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

- Xây dựng mới Phân xưởng Phan Đăng Lưu để tiến hành sáp nhập 2 phân xưởng Thành phẩm và In vào một nơi, đồng thời hoàn trả mặt bằng đang thuê của tổng công ty để hạn chế chi phí sản xuất.

4. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	35.487.695.304	28.898.148.931	81
Doanh thu thuần	41.749.621.369	43.236.145.424	104
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.093.608.590	4.637.326.643	76
Lợi nhuận khác	815.311.446	313.859.364	39
Lợi nhuận trước thuế	6.908.920.036	4.951.186.007	72
Lợi nhuận sau thuế	5.181.690.026	3.998.904.365	77
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	53%	72%	136

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,3	3,2	140
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	2,0	2,8	143
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,4	0,3	65
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,7	0,4	52
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u>	9,3	12,3	133

Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,2	1,5	127
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,12	0,09	75
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,25	0,19	76
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,15	0,14	95
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,15	0,11	73

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a/ Cổ đông

Cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số cổ phần đang lưu hành	1.200.000	100%
Cổ phần phổ thông	1.200.000	100%
Cổ phần chuyển nhượng tự do	1.200.000	100%
Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	0

b/ Cơ cấu cổ đông

Cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ
Cổ đông tổ chức	919.170	77%
Cổ đông cá nhân	280.830	23%
Cộng	1.200.000	100%
Cổ đông Nhà nước	612.000	51%
Cổ đông trong nước	588.000	49%
Cổ đông nước ngoài		

c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2012, vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

b/ Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan

a/ Thuận lợi

- Nằm trong chương trình giúp đỡ để hạn chế các khó khăn của năm 2011, trong năm 2012 Chính phủ và Bộ Tài chính đã quyết định giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời giãn nộp thuế GTGT của quý II trong thời gian 6 tháng.
- Được sự giúp đỡ và quan tâm của Tổng Cty Văn Hóa Sài Gòn qua việc hỗ trợ mặt bằng 27 Nơ Trang Long để doanh nghiệp có đủ điều kiện sản xuất một cách bình thường.
- Các khách hàng thân thiết và lâu năm vẫn tín nhiệm và gắn bó với Công ty góp phần giúp doanh nghiệp bớt căng thẳng về nguồn việc.
- Tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của đơn vị là ngành in, không đầu tư dàn trải vào các ngành khác hoặc tham gia thị trường chứng khoán đầy rủi ro.
- Trong lúc rất nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn vì thiếu vốn hoạt động thì đơn vị đã không gặp phải tình trạng này do sở hữu một nền tài chính lành mạnh là ưu điểm vốn có.
- Lãnh đạo Công ty và người lao động đoàn kết tích cực trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 nhằm đạt kết quả cao nhất.

b/ Khó khăn

- Tình hình cạnh tranh trong nội bộ ngành in diễn ra gay gắt và không lành mạnh khiến việc điều chỉnh đơn giá công in để bù đắp các chi phí phát sinh tăng trong năm như : tiền lương, giá cả nguyên nhiên vật liệu, ... hầu như không thể thực hiện được, nhất là đối với sản phẩm lịch bloc. Vấn đề này cần giải quyết một cách thỏa đáng vì nếu còn tồn tại thì e rằng các nhà in sẽ cùng bị thua lỗ thậm chí mất vốn khi tiến hành sản xuất loại sản phẩm này vì tính rủi ro rất cao do thị trường đã được vận hành theo cơ chế tự do.

- Từ tác động tiêu cực của mùa sản xuất năm trước nên sản lượng lịch bloc của năm nay bị ảnh hưởng rất nhiều – chỉ đạt hơn 30% so với năm trước.
- Mặt bằng nhà xưởng chật hẹp, manh mún không đáp ứng được yêu cầu của quá trình sản xuất; máy móc thiết bị cũ kỹ, nhà xưởng xuống cấp nên phải đầu tư nâng cấp và sửa chữa. Để giải quyết doanh nghiệp đề ra kế hoạch: Mặt bằng Phạm Ngọc Thạch được sửa chữa lớn, mặt bằng Phan Đăng Lưu được xây dựng mới.
- Căn cứ theo Nghị định 31/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính Phủ, kể từ ngày 01/05/2012 mức lương tối thiểu được điều chỉnh từ 830.000đồng → 1.050.000 đồng/người/tháng tương đương tỷ lệ tăng gần 27%. Đây thực sự là một trở ngại lớn cho các nhà in vì trong cơ cấu giá thành sản phẩm của ngành hao phí lao động sống chiếm tỷ trọng rất lớn.
- Số tiền 1 tỷ đồng đặt cọc theo hợp đồng để mua 1 ha đất trong khu công nghiệp Hoàng Gia Long An vẫn đang được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hy vọng trong năm tới danh nghiệp sẽ được bồi hoàn một cách thỏa đáng.

2. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2011
Tài sản ngắn hạn	24.418.963.043	33.430.837.170
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.373.980.374	18.362.771.250
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.076.677.992	9.001.410.305
Hàng tồn kho	2.912.612.263	4.573.720.325
Tài sản ngắn hạn khác	55.692.414	1.492.935.290
Tài sản dài hạn	4.479.185.888	2.056.858.134
Tài sản cố định	4.279.185.888	2.056.858.134
Tài sản dài hạn khác	200.000.000	0
Tổng tài sản	28.898.148.931	35.487.695.304

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 so với thời điểm 31/12/2011 có biến động lớn, cơ cấu tài sản có xu hướng giảm ở phần tài sản ngắn hạn và tăng tài sản dài

hạn, mà chủ yếu giảm ở các khoản mục phải thu ngắn hạn, từ 9.001 triệu đồng xuống còn 2.076,6 triệu đồng. Đạt được kết quả này do doanh nghiệp đã tích cực giải quyết các khoản công nợ phải thu của khách hàng và giảm số lượng vật tư tồn kho để thực hiện in sách giáo khoa trúng thầu 2012.

b/ Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2011
Nợ ngắn hạn	7.783.581.898	14.792.965.236
Phải trả người bán	1.674.919.695	8.611.080.343
Người mua trả tiền trước	158.000.000	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	486.587.134	2.372.227.171
Phải trả người lao động	3.483.416.994	2.188.581.960
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	226.229.780	99.982.921
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.754.428.295	1.521.092.841
Nợ dài hạn	0	0
Nợ phải trả	7.783.581.898	14.792.965.236

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2012 so với thời điểm 31/12/2011 giảm mạnh, trong đó: phải trả người bán giảm từ 8.611 triệu đồng xuống còn 1.674,9 triệu đồng; thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm từ 2.372 triệu đồng xuống còn 486 triệu đồng; nợ dài hạn không có.

c/ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Không có.

d/ Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	THỰC HIỆN 2012	KẾ HOẠCH 2013	%
1. Giá trị Tổng sản lượng (GCD 1994)	Tr.đồng	31.236	29.000	93
2. Sản phẩm sản xuất trong kỳ	Tr. trang	5.761	5.500	95
3. Tổng doanh thu bán hàng & cung cấp DV	Tr.đồng	45.539	46.000	101

4. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.951	5.000	101
5. Thuế thu nhập DN phải nộp	Tr.đồng	952	1.250	131
6. Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	3.999	3.750	93
7. Các khoản nộp ngân sách	Tr.đồng	3.681	3.700	101
8. Tổng số lao động	Người	186	182	98
9. Phân phối lợi nhuận				
Trong đó: + Quỹ dự phòng tài chính	Tr.đồng	370	350	95
+ Quỹ khen thưởng	”	740	700	95
+ Cổ tức cổ đông	”	2.880	2.400	83
+ Chuyển năm sau	”	-	225	-
+ Tỷ lệ cổ tức	%	24	20	83
+ Chi khác (Theo Biên bản Cục Thuế)	Tr.đồng	79	(Theo thực tế)	

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

a/ Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở nguồn vốn, nguồn năng lực máy móc, thiết bị và lao động hiện có, doanh nghiệp đã tự xoay sở và cân đối sử dụng sao cho đạt hiệu quả cao nhất đồng thời không phải sử dụng đến đồng vốn tín dụng từ các ngân hàng. Kết quả thu được là các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh trong năm 2012 đều vượt mức kế hoạch đề ra trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

BẢNG SỐ LIỆU KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

<u>Nội dung</u>	<u>ĐVT</u>	<u>KH 2012</u>	<u>TH năm 2012</u>	<u>So sánh %</u>
1. Giá trị sản xuất công nghiệp (GCD 94)	Tr.đồng	29.000	31.236	108
2. Sản lượng trang in (13 x 19cm)	Tr. trang	5.500	5.761	105

3. Tổng doanh thu bán hàng & cung cấp DV	Tr.đồng	37.000	45.539	123
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	3.800	4.951	130
5. Nộp ngân sách	Tr.đồng	3.000	3.681	123
6. Tổng số lao động BQ	Người	190	186	98
7. Thu nhập bình quân(người/tháng)	Tr.đồng	6.500	7.425	114
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	2.375	3.332	140
9. Cổ tức				
- Tỷ lệ	%	18%	24%	133
- Số tiền	Tr. đồng	2.160	2.880	133

Nhận xét chung :

- Chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng cũng như doanh thu hàng hóa tăng nhanh hơn chỉ tiêu sản lượng trang in đã biểu hiện nhóm sản phẩm có giá trị cao chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu sản phẩm. đồng thời việc điều chỉnh đơn giá công in cho mặt hàng vé số đã được nhà in thực hiện một cách tốt đẹp. Kết quả đạt được là thu nhập trong kỳ cũng như cổ tức chi trả cho các cổ đông đều vượt mức kế hoạch. Đây là một hướng đi tốt. Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa trong các năm sau trên cơ sở đổi mới máy móc thiết bị hiện có và tăng cường công tác chào hàng tiếp thị để khai thác thêm nguồn việc.

- Nhằm mục đích nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kỳ. doanh nghiệp luôn chú ý thực hiện các biện pháp tăng năng suất lao động. tiết kiệm chi phí nguyên nhiên vật liệu thông qua việc tìm tòi và phát triển các nguồn cung ứng vật tư mới hoặc vật tư thay thế. đồng thời thường xuyên kiểm tra việc cấp phát vật tư. mức tiêu hao vật tư các loại. Có chế độ khen thưởng thỏa đáng và phù hợp với các quy định hiện hành. trong năm 2012 doanh nghiệp đã thực hiện được trị giá vật tư tiết kiệm và phế liệu thu hồi đạt 1.196.578.739 đồng – Trong đó: trị giá vật tư tiết kiệm đạt 310.812.720 đồng.

b/ Đầu tư phát triển:

Vào thời điểm quý III năm 2012. Công ty đã tiến hành tổ chức đấu thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh để trang bị thêm máy móc thiết bị cho khâu in với các thông số sau:

- Nhu cầu mua: Máy in offset 4 màu khổ (72x102)cm do Nhật sản xuất năm 1992 trở về sau hiệu MISUBISHI – DAIYA 3F4

- Các doanh nghiệp tham gia cung cấp máy:

+ Công ty XNK ngành In chào giá: 3 tỷ 600

+ Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà: 3 tỷ 670

Kết quả Công ty đã mua được máy trên chỉ với giá 3 tỷ 350 (đã bao gồm thuế VAT). (máy có nguồn gốc từ Mỹ về và chưa qua sử dụng tại Việt Nam)

Sửa chữa lớn mặt bằng Phạm Ngọc Thạch (lầu 4): 200 triệu đồng.

Thực hiện đấu thầu hồ sơ thiết kế, xác lập sổ đỏ và cấp giấy phép xây dựng cho mặt bằng Phan Đăng Lưu: 164.911.000 đồng

c/ Quản lý và sử dụng vốn

Trong công tác quản lý và sử dụng vốn, ngoài việc không phải huy động vốn hoặc vay của bất cứ một tổ chức, cá nhân nào đơn vị còn thực hiện một cách linh hoạt và hiệu quả các khoản tiền gửi của doanh nghiệp nên doanh thu tài chính cũng góp phần đáng kể vào thu nhập trong năm đạt gần 2 tỷ đồng.

Số dư tiền mặt và các khoản tiền gửi ngân hàng ở thời điểm cuối năm là hơn 19 tỷ đồng đạt hơn 161% so với vốn ban đầu của chủ sở hữu. Điều này cũng nói lên việc quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả cao đối với đồng vốn được giao.

d/ Tỷ lệ cổ tức và trích lập Quỹ phúc lợi khen thưởng

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát dự kiến các số liệu sau :

- Tỷ lệ cổ tức dự kiến: 24%/ giá trị cổ phần - đạt 133% so kế hoạch
- Mức thu nhập bình quân của người lao động: 7.450.000đ/người/tháng - đạt 115% so với kế hoạch.

- Trích lập Quỹ phúc lợi, khen thưởng: 750 triệu – đạt 100%.

Từ các số liệu trên, chúng ta thấy lợi ích của cổ đông cũng như quyền lợi của người lao động trong doanh nghiệp luôn được thực hiện một cách hài hòa và hợp lý.

e/ Khai thác nguồn việc, nguồn cung ứng :

- Theo thông lệ, vào khoảng tháng 12 Ban điều hành công ty đã trực tiếp liên hệ với các khách hàng thân quen, các nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu nhằm đi tới ký kết các Hợp đồng kinh tế của năm sau, giúp cho nguồn việc, nguồn hàng của Công ty được ổn định cho cả năm.

- Thương hiệu “In số 4” ngày càng được tín nhiệm trên thương trường nhất là đối với thị phần in sách giáo khoa, lịch bloc, vé số. ... nhờ Công ty luôn đảm bảo được các nội dung chất lượng, số lượng cũng như thời gian giao hàng theo đúng các yêu cầu của đối tác.

f/ Các hoạt động khác :

- Việc phối hợp hoạt động giữa các tổ chức: Đảng. Công đoàn. Chi đoàn thanh niên với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, Ban kiểm soát nhịp nhàng. theo đúng quy định của pháp luật. Trong năm vừa qua, Đảng bộ Công ty đã kết nạp thêm 2 đảng viên mới nâng tổng số đảng viên trong Đảng bộ lên 36 đảng viên.

- Thực hiện tốt các quy định của ngành theo Luật xuất bản. tuyệt đối không để xảy ra tình trạng in nổi bản, in sai số lượng trên giấy phép.

- Các quyền lợi về lương. phúc lợi tập thể của người lao động luôn được đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước cũng như các điều khoản đã thỏa thuận trong Bản Thỏa ước lao động tập thể, Chế độ Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp luôn được doanh nghiệp thực hiện đầy đủ và đúng hạn. Cụ thể số tiền trong năm là :

+ BHXH, BHYT & BHTN : 2.263.562.160 đồng.

+ Kinh phí Công đoàn : 259.340.740 đồng.

Trong đó nộp về Công đoàn Tổng Cty : 154.014.296 đồng.

- Công tác tuyển dụng và đào tạo nhân sự: hỗ trợ 100% kinh phí và vật tư sử dụng để người lao động tham gia các kỳ thi nâng bậc cũng như nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nếu thấy phù hợp với nhu cầu công việc mà đơn vị đang phân công.

- Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa do Tổng Cty Văn Hóa Sài Gòn cũng như tại địa phương đã phát động trong năm.

- Trong năm vừa qua, Công ty đã nhận được bằng khen của Bộ tài chính về việc hoàn thành tốt chính sách, pháp luật thuế và nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc năm 2012”.

g/ Một số mặt còn thiếu sót và hạn chế :

- Mặt bằng sản xuất trở thành nỗi lo hàng đầu do manh mún và trải rộng trên rất nhiều quận huyện.

- Dự án xây dựng và liên doanh liên kết sử dụng mặt bằng Phạm Ngọc Thạch nằm trong xu hướng chung là không thể thực hiện được do các nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn về vốn và đầu ra cho sản phẩm. Khi có điều kiện thuận lợi từ nền kinh tế, doanh nghiệp sẽ khởi động lại dự án này nhằm phát huy một cách cao nhất vị trí đắc địa của mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch này.

- Dự án xây dựng mới cơ sở Phan Đăng Lưu chưa thực hiện được do còn vướng về thủ tục xác lập quyền sở hữu.

- Chưa tích cực trong việc cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm. Cần đẩy mạnh nhiệm vụ và năng lực của phòng Kỹ thuật trong thời gian sắp tới thông qua việc trang bị máy móc và đào tạo chuyên môn.

Tóm lại : Trong năm vừa qua nền kinh tế của chúng ta nói riêng và thế giới nói chung chịu nhiều suy thoái. Công ty Cổ phần In số 4 đã cố gắng hết sức dựa vào năng lực nội tại cũng như sự giúp đỡ của Nhà nước, các ban ngành, Tổng Công ty để phấn đấu hoàn thành được kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã giao. Hy vọng rằng các ưu điểm cũng như hạn chế trong năm sẽ được phát huy và khắc phục trong năm kế hoạch 2013.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty đã có sự quan tâm chỉ đạo sát sao ngay từ đầu năm, thực hiện tốt nhiệm vụ và phát huy những kết quả đạt được của năm 2011; đồng thời đã khắc phục những thiếu sót còn tồn tại để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

a/ Tình hình chung

Tình hình kinh tế bị suy thoái trên thế giới vẫn còn. do vậy kinh tế Việt Nam cũng không thể ngoại lệ.

Đi vào chi tiết. bối cảnh nền kinh tế Việt Nam trong năm 2012 có thể hình dung như sau: Doanh nghiệp khó tiêu thụ sản phẩm cũng như khó tiếp cận được đồng vốn; nợ xấu của các ngân hàng tăng cao; tiêu dùng hay nói nôm na là sức mua của xã hội bị giảm sút; lạm phát đã được kiềm chế do thắt chặt tiền tệ.

Sang năm 2013, các khó khăn tồn tại của năm trước vẫn còn tiếp diễn vì vậy để thực hiện được việc thúc đẩy sản xuất kinh doanh. tăng sức mua, đẩy mạnh tiêu dùng hàng hóa nhưng đồng thời không làm bất ổn nền kinh tế và lạm phát cao trở lại đòi hỏi Chính phủ và các doanh nghiệp còn phải nỗ lực rất nhiều.

Trong bối cảnh này và nhất là căn cứ vào các Hợp đồng kinh tế mà doanh nghiệp đã đàm phán được với khách hàng, trong kế hoạch 2013 công ty không thể chủ quan đề ra các mục tiêu tăng trưởng mà chủ yếu giữ cho hoạt động sản xuất kinh doanh không bị suy giảm.

b/ Mục tiêu chính

- Giữ vững ổn định sản xuất trên cơ sở mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng truyền thống lâu năm và nâng cao chất lượng. mẫu mã các mặt hàng chủ lực của doanh nghiệp.

- Đa dạng hóa các sản phẩm sản xuất ngoài mặt hàng truyền thống là in bằng phương pháp in offset nhằm tăng doanh thu đồng thời phù hợp với nhu cầu tiếp thu và sử dụng các

công nghệ mới: Hội đồng Quản trị và Ban điều hành thống nhất trong năm 2013 sẽ từng bước tiến hành đầu tư và đưa vào sử dụng **phương pháp in kỹ thuật số**.

- Đầu tư mua sắm bằng hình thức đấu thầu cho các loại máy móc thiết bị của khâu sau in để cải thiện được năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm.

- Triển khai xây dựng mặt bằng phân xưởng Phan Đăng Lưu với cấu trúc một trệt, một lầu nhằm di dời phân xưởng Nơ Trang Long về đây và hoàn trả mặt bằng này cho Tổng Công ty trong thời gian sớm nhất.

- Tiến hành tái khởi động dự án khai thác có hiệu quả mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 trên cơ sở mời gọi các nhà đầu tư mới khi nền kinh tế có dấu hiệu tốt hơn.

Năm 2013 vẫn còn rất nhiều khó khăn thách thức đối với Công ty. Mặc dù đã đề ra kế hoạch một cách thận trọng nhưng Ban điều hành, Hội đồng quản trị và toàn thể CB-CNV vẫn phải nỗ lực, đoàn kết, tập trung mọi nguồn lực để phấn đấu thực hiện kế hoạch đạt mức cao nhất.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Số thành viên của Hội đồng quản trị có 05 thành viên, nhiệm kỳ tối đa của mỗi thành viên là 05 năm.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

<u>STT</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Số CP</u>	<u>Chức danh</u>
01.	Ông Phan Chí Trung	9.800	Chủ tịch Hội đồng quản trị
02.	Ông Nguyễn Văn Do	5.200	Phó chủ tịch HĐQT. Giám đốc
03.	Ông Phạm Trần Thọ	2.100	Thành viên Hội đồng quản trị
04.	Bà Trần Thị Hạnh	9.200	Thành viên Hội đồng quản trị
05.	Ông Trần Văn Nhanh	4.550	Thành viên Hội đồng quản trị

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2012:

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp để kịp thời nắm bắt và xây dựng các định hướng phát triển doanh nghiệp. Đồng thời, Hội đồng

quản trị cũng chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã đề ra các nghị quyết, quyết định quan trọng để thực hiện và hoàn thành thắng lợi các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông đã thông qua với các kết quả nổi bật về doanh thu, lợi nhuận cũng như các chỉ tiêu khác.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT:

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thù lao cho Hội đồng quản trị trong năm 2012 là 1500.000 đồng/người/tháng

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

<u>STT</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Số CP</u>	<u>Chức danh</u>
01	Bà Lê Thị Đan Phương	8.750	Trưởng Ban Kiểm soát
02	Ông Nguyễn Văn Minh	-	Thành viên Ban Kiểm soát
03	Ông Nguyễn Hữu Tài	1.970	Thành viên Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2012:

- Kiểm soát chiến lược:

- Thường xuyên giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban điều hành. Tham gia đủ tất cả các phiên họp thường kỳ cũng như bất thường của HĐQT. Đóng góp ý kiến xây dựng các quyết định, nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật doanh nghiệp mới và điều lệ công ty.
- Giám sát HĐQT thực hiện chức năng trong công tác nhân sự.
- Thường xuyên ghi nhận, kiểm tra các ý kiến, kiến nghị, đề xuất của cổ đông và đề nghị HĐQT. Ban giám đốc xem xét, giải thích và giải quyết kịp thời các kiến nghị đó.

- Kiểm soát hoạt động:

- Tổ chức kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính của công

ty (01lần/năm)

- Giám sát việc chấp hành các chế độ chính sách với người lao động.
- Giám sát việc chi trả cổ tức và thực hiện phân bổ lợi nhuận hàng năm.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính:

Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập để thực hiện báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm; Giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đề xuất.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên ban Kiểm soát năm 2012 là 1.500.000 đồng /người/tháng

3. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Để tăng cường hơn nữa hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc sẽ tập trung thực hiện các kế hoạch sau:

- Phát huy tối đa văn hóa dân chủ để có thể huy động mọi khả năng, năng lực tiềm tàng của người lao động trong công ty nhằm giúp doanh nghiệp có thể phát triển bền vững và hiệu quả.
- Ổn định hơn nữa mô hình tổ chức để xây dựng bộ máy hợp lý khoa học trên cơ sở các quy trình tác nghiệp mô tả công việc; Bộ máy điều hành cần tinh gọn nhưng vẫn đảm bảo điều hành toàn công ty hiệu quả.
- Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo có kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, kết hợp các phương thức đào tạo và tự đào tạo.
- Liên tục cập nhật, đổi mới, nhất là quy chế nội bộ.
- Lựa chọn những cán bộ có đủ năng lực, chuyên môn, phẩm chất đạo đức để thành lập một bộ phận chuyên trách giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi. báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Số 4 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm

tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		24.418.963.043	33.430.837.170
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.373.980.374	18.362.771.250
1. Tiền	111	V.01	1.873.980.374	362.771.250
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.500.000.000	18.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.076.677.992	9.001.410.305
1. Phải thu của khách hàng	131		1.908.697.571	8.930.902.086
2. Trả trước cho người bán	132		35.000.000	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1.132.980.421	1.070.508.219
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-1.000.000.000	-1.000.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		2.912.612.263	4.573.720.325
1. Hàng tồn kho	141	V.04	2.912.612.263	4.573.720.325
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		55.692.414	1.492.935.290
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		55.692.414	650.227.190
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
5. Tài sản ngắn hạn khác	158			842.708.100
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		4.479.185.888	2.056.858.134
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		4.279.185.888	2.056.858.134
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	4.279.185.888	2.056.858.134
- Nguyên giá	222		25.945.533.516	23.023.993.957
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-21.666.347.628	-20.967.135.823

2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		200.000.000	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	200.000.000	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		28.898.148.931	35.487.695.304
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		7.783.581.898	14.792.965.236
I. Nợ ngắn hạn	310		7.783.581.898	14.792.965.236
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả người bán	312		1.674.919.695	8.611.080.343
3. Người mua trả tiền trước	313		158.000.000	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	486.587.134	2.372.227.171
5. Phải trả người lao động	315		3.483.416.994	2.188.581.960
6. Chi phí phải trả	316	V.17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	226.229.780	99.982.921
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.754.428.295	1.521.092.841
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		

5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		21.114.567.033	20.694.730.068
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	21.114.567.033	20.694.730.068
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.247.974.425	3.247.974.425
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.658.700.000	1.288.700.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.207.892.608	4.158.055.643
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tscđ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		28.898.148.931	35.487.695.304
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán				
1. Tài sản thuê ngoài		24		
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<u>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</u>	<u>1</u>	<u>VI.25</u>	<u>43.236.145.424</u>	<u>41.749.621.369</u>
2. Các khoản giảm trừ	2			
+ Chiết khấu thương mại	3			
+ Giảm giá	4			
+ Hàng bán bị trả lại	6			
+ Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tr/t phải nộp	7			
<u>3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 03)</u>	<u>10</u>		<u>43.236.145.424</u>	<u>41.749.621.369</u>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	37.430.642.668	34.647.883.603
<u>5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)</u>	<u>20</u>		<u>5.805.502.756</u>	<u>7.101.737.766</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.988.540.683	2.454.731.668
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	50.600.000	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.106.116.796	3.462.860.844
<u>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</u>	<u>30</u>		<u>4.637.326.643</u>	<u>6.093.608.590</u>
<u>{30=20+(21-22)-(24+25)}</u>				
11. Thu nhập khác	31		313.859.364	856.127.765
12. Chi phí khác	32			40.816.319
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		313.859.364	815.311.446
<u>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</u>	<u>50</u>		<u>4.951.186.007</u>	<u>6.908.920.036</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	952.281.642	1.727.230.010
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3.998.904.365	5.181.690.026
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<u>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD</u>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		54.902.214.535	40.921.240.960
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		-20.406.432.060	-18.854.431.890
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		-15.870.689.407	-12.976.163.643
4. Tiền chi trả lãi	4			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		-2.274.013.085	-498.183.945
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.480.919.841	641.195.661
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	7		-12.503.227.619	-6.740.382.212
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20		5.328.772.205	2.493.274.931
<u>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</u>				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-3.467.036.364	-10.536.364
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.988.540.683	2.454.731.668
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-1.478.495.681	2.444.195.304
<u>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</u>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu đã p/hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-2.839.067.400	-2.160.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-2.839.067.400	-2.160.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.011.209.124	2.777.470.235
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.362.771.250	15.585.301.015
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	VII.34	19.373.980.374	18.362.771.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Số 4 được thành lập theo Quyết định số 4934/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2004 về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In số 4 thành Công ty Cổ phần In Số 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14 tháng 04 năm 2005.

Trụ sở chính tại: 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14 tháng 04 năm 2005; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT để làm nghề kinh doanh đặc biệt số 0220/GCNĐD do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 03 năm 1994; Giấy phép hoạt động ngành in do Bộ Trưởng Bộ Văn hóa Thông tin cấp ngày 01 tháng 02 năm 1996. hoạt động kinh doanh là in gia công sách báo, xuất bản phẩm, bao bì, mác nhãn mang tính thương mại, biểu mẫu kinh doanh và hoá đơn chứng từ.

NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

5.1. Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng	10 – 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm

Kế toán các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là tương đương tiền.
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác, tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Quỹ tiền lương

Tiền lương Công ty được chi trả theo Quyết định số 01/QĐ-IN4-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2012.

Công ty được duyệt đơn giá tiền lương năm 2012 là 3.306 đồng trên 1.000 trang in 13x19.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

11.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

11.2. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 19 của Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012.

Công ty không hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế. phần thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế xác định bằng (=) tổng thu nhập tính thuế (không bao gồm thu nhập khác) nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế so với tổng doanh thu của Công ty trong kỳ tính thuế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Điều 19 của Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%.

Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 theo Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21/06/2012.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền	1.873.980.374	362.771.250
Tiền mặt	452.251.247	172.053.134
Tiền gửi ngân hàng (VND)	1.421.729.127	190.718.116
Các khoản tương đương tiền	17.500.000.000	18.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng	17.500.000.000	18.000.000.000
Cộng	<u>19.373.980.374</u>	<u>18.362.771.250</u>

Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	1.908.697.571 (2.1)	8.930.902.086

Trả trước cho người bán	35.000.000	(2.2)	-
Các khoản phải thu khác	1.132.980.421	(2.3)	1.070.508.219
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.000.000.000)	(2.4)	(1.000.000.000)
Cộng	2.076.677.992		9.001.410.305

(2.1) Bao gồm các khách hàng sau:

Công ty TNHH Nhà Xuất Bản Thời Đại	1.512.590.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	110.144.998
Công ty TNHH MTV Trần Chung A Châu	130.012.080
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. HCM	102.026.293
Công ty Cổ phần Nhựa Bảo Vân	13.200.000
Khách hàng khác	40.724.200
Cộng	1.908.697.571

(2.2) Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đồng Thuận.

(2.3) Bao gồm:

Phải thu cổ phần hóa	4.390.000
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	127.888.177
Phải thu bảo hiểm xã hội	702.244
Phải thu Công ty TNHH Hoàng Gia Long An	(*) 1.000.000.000
Cộng	1.132.980.421

(*) Là khoản tiền đặt cọc mua đất cho Công ty TNHH Hoàng Gia Long An theo Hợp đồng số 79 ngày 25 tháng 03 năm 2008. tuy nhiên Hợp đồng này đã không thực hiện và thanh lý theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 29 ngày 28/08/2009.

(2.4) Đây là khoản trích dự phòng khoản phải thu của Công ty TNHH Hoàng Gia Long An (xem thêm 2.3). Theo Quyết định số 11/2010/QĐST-DS ngày 19/01/2011 công nhận thỏa thuận của các đương sự của Tòa án Nhân dân huyện Đức Hòa. Công ty TNHH Hoàng Gia Long An phải trả dứt điểm cả gốc và lãi tại ngày 30/03/2011.

Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu. vật liệu	1.758.082.776	3.322.350.275
Công cụ. dụng cụ	31.604.487	19.336.188
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.122.925.000	1.232.033.862
Cộng	2.912.612.263	4.573.720.325

Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	4.449.193.400	-	-	4.449.193.400
Máy móc thiết bị	17.158.476.928	3.162.490.909	240.951.350	20.080.016.487
Phương tiện vận tải	1.416.323.629	-	-	1.416.323.629
Cộng	<u>23.023.993.957</u>	<u>3.162.490.909</u>	<u>240.951.350</u>	<u>25.945.533.516</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.889.911.279	125.491.812	-	4.015.403.091
Máy móc thiết bị	15.681.184.190	794.388.068	240.951.350	16.234.620.908
Phương tiện vận tải	1.396.040.354	20.283.275	-	1.416.323.629
Cộng	<u>20.967.135.823</u>	<u>940.163.155</u>	<u>240.951.350</u>	<u>21.666.347.628</u>
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	559.282.121			433.790.309
Máy móc thiết bị	1.477.292.738			3.845.395.579
Phương tiện vận tải	20.283.275			-
Cộng	<u>2.056.858.134</u>			<u>4.279.185.888</u>

Nguyên giá tài sản cố định tại 31/12/2012 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.997.194.986 đồng.

Nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	1.674.919.695 (5.1)	8.611.080.343
Người mua trả tiền trước	158.000.000 (5.2)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	486.587.134 (5.3)	2.372.227.171
Phải trả người lao động	3.483.416.994	2.188.581.960
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	226.229.780 (5.4)	99.982.921
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.754.428.295	1.521.092.841
Cộng	<u>7.783.581.898</u>	<u>14.792.965.236</u>

(5.1) Là khoản phải trả cho các nhà cung cấp sau:

Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. HCM	1.119.409.147
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	240.693.008
Công ty Cổ phần In và Bao Bì Đồng Tháp	50.682.500
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Dịch vụ Viễn Thái	71.460.400
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Mê Kông	76.308.000
Công ty Cổ phần Địa Sinh	21.670.000
CN Tổng Công ty CN In Bao Bì Liksin – TTKD An Thịnh Liksin	61.757.850
3 nhà cung cấp khác	32.938.790
Cộng	<u>1.674.919.695</u>

(5.2) Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Ninh.

(5.3) Bao gồm các khoản thuế phải nộp sau:

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	161.251.539
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	200.404.368
- Thuế thu nhập cá nhân	124.931.227
Cộng	486.587.134

(5.4) Bao gồm các khoản phải trả khác sau:

- Phải trả về cổ phần hóa	63.300.000
- Kinh phí công đoàn	62.929.780
- Nhận ký quỹ từ Công ty TNHH TM-SX-DV Tân Vinh Cường	100.000.000
Cộng	226.229.780

Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài	Lợi nhuận chưa phân
Số dư đầu năm	12.000.000.000	3.247.974.42	863.700.000	2.011.365.617
- Tăng trong năm	-	-	425.000.000	5.181.690.026
- Giảm trong năm	-	-	-	3.035.000.000
Số dư cuối năm	12.000.000.000	3.247.974.42	1.288.700.000	4.158.055.643
Số dư đầu năm nay	12.000.000.000	3.247.974.42	1.288.700.000	4.158.055.643
- Tăng trong năm nay	-	-	370.000.000	3.998.904.365
- Giảm trong năm nay	-	-	-	3.949.067.400
Bao gồm:				
+ Chia cổ tức	-	-	-	2.760.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	740.000.000
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	370.000.000
+ Chi khác	-	-	-	79.067.400
Số dư cuối năm	12.000.000.000	3.247.974.42	1.658.700.000	4.207.892.608

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.200.000	1.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.200.000	1.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2012 là 10.000 đồng/cổ phiếu.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.236.145.424	41.749.621.369
- Tổng doanh thu	43.236.145.424	41.749.621.369
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
- Doanh thu thuần	43.236.145.424	41.749.621.369
1.2. Doanh thu hoạt động tài chính	1.988.540.683	2.454.731.668
- Lãi tiền gửi	1.988.540.683	2.454.731.668
1.3. Thu nhập khác	313.859.364	856.127.765
- Giấy tiết kiệm	164.723.000	321.582.310
- Thanh lý tài sản	149.136.364	534.545.455

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.998.904.365	5.181.690.026
- Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	3.998.904.365	5.181.690.026
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.200.000	1.200.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.332	4.318

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin các bên liên quan: Năm 2012 không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh khoản 12 mục V trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền). phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.10.

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ	31/12/2012	31/12/2011
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.373.980.374	18.362.771.250
Phải thu khách hàng	1.908.697.571	8.930.902.086
Phải thu khác	1.132.980.421	1.070.508.219
Cộng	22.450.658.366	28.364.181.555
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	1.674.919.695	8.611.080.343
Phải trả khác	226.229.780	99.982.921
Cộng	2.059.149.475	8.711.063.264

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết theo lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không chịu các rủi ro liên quan đến sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Cộng
Phải trả người bán	1.674.919.695	-	1.674.919.695
Phải trả khác	226.229.780	-	226.229.780
Cộng	1.901.149.475	-	1.901.149.475
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Cộng
Phải trả người bán	8.611.080.343	-	8.611.080.343
Phải trả khác	99.982.921	-	99.982.921
Cộng	8.711.063.264	-	8.711.063.264

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.373.980.374	-	19.373.980.374
Phải thu khách hàng	1.908.697.571	-	1.908.697.571
Phải thu khác	1.132.980.421	-	1.132.980.421
Cộng	22.415.658.366	-	22.415.658.366
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.362.771.250	-	18.362.771.250
Phải thu khách hàng	8.930.902.086	-	8.930.902.086
Phải thu khác	1.070.508.219	-	1.070.508.219
Cộng	28.364.181.555	-	28.364.181.555

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2013

Giám đốc

NGUYỄN VĂN DO